

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Điện tử; Chuyên ngành: Điện tử-Viễn thông

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Văn Thủy

2. Ngày tháng năm sinh: 04/07/1976; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Vietnam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Đông ngạc, Bắc Từ liêm, Hà nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): TDP Nhật tảo

3, phường Đông ngạc, Bắc Từ liêm, Hà nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số nhà 6A, ngõ 35, Phố Nhật tảo, phường Đông ngạc, Bắc Từ liêm, Hà nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0912439957;

E-mail: nthuy1@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1999 đến năm 2020: Giảng viên tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ năm 2003 đến năm 2005: Trợ lý nghiên cứu tại khoa Điện, đại học Bang New Mexico tại Đại học Bang New Mexico

Từ năm 2008 đến năm 2012: Trợ lý nghiên cứu tại Phòng thí nghiệm Thông tin đa phương tiện, Khoa Điện, Đại học Bang New Mexico tại Đại học Texas at Dallas

Từ năm 2013 đến năm 2015: Kỹ sư cao cấp thiết kế chip SSD (SSD senior architect) tại Công ty Seagate

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Công nghệ Thông tin 1, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Địa chỉ cơ quan: 122 Hoàng Quốc Việt, Hà nội

Điện thoại cơ quan: 0433510432

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 31 tháng 05 năm 1999, ngành: Điện Tử - Viễn Thông, chuyên ngành: Viễn thông

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Bách khoa Hà nội, Việt nam

- Được cấp bằng ThS ngày 01 tháng 07 năm 2005, ngành: Electrical Engineering, chuyên ngành: Wireless communications

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): New Mexico State University, Hoa Kỳ

- Được cấp bằng TS ngày 29 tháng 12 năm 2012, ngành: Electrical Engineering, chuyên ngành: Coding theory and wireless communications

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): University of Texas at Dallas, Hoa kỳ

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Điện-Điện tử-Tự động hóa

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Lý thuyết mã và ứng dụng:

+ Thiết kế mã LDPC: hiệu năng cao, độ phức tạp thấp cho các hệ thống tin tương lai

+ Cải thiện hiệu năng của bộ giải mã LDPC: giảm nhiễu nền (error floor), giải mã nhanh

- Thông tin vô tuyến:

+ Thuật toán tách sóng MIMO cỡ lớn (LS-MIMO)

+ Phân tích hiệu năng hệ thống

- Ứng dụng học sâu (deep learning) trong các hệ thống thông tin tương lai

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 5 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 22 bài báo KH, trong đó 7 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 5 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Về hoạt động đào tạo:

- Mức độ hoàn thành khối lượng giảng dạy: Tôi luôn hoàn thành vượt mức (trung bình 03 năm cuối luôn dạy hơn 250% định mức) của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên theo quy định hiện hành: Hoàn thành tốt các nhiệm vụ của giảng viên theo qui định hiện hành.
- Năng lực giảng dạy: Có năng lực giảng dạy tốt. tôi phụ trách 04 môn cơ sở ngành KHMT của Khoa Công nghệ Thông tin 1: Toán Rời rạc 1, Toán Rời rạc 2, Kiến trúc máy tính và Hệ điều hành. Ngoài ra, tôi còn cũng từng tham gia giảng dạy nhiều môn chuyên ngành thông tin vô tuyến, khoa Viễn thông 1, học viện CNBCVT.
- Ý kiến phản hồi của người học trong 3 năm gần nhất: Có uy tín trong giảng dạy và nhận được nhiều phản hồi tích cực của tất cả các lớp được phân công.
- Phát triển chương trình đào tạo: Tham gia tích cực vào phát triển chương trình đào tạo CNTT chất lượng cao của khoa CNTT, tham gia phân biên đề cương môn học, phân biên nghiệm thu bài giảng trong khoa.
- Đóng góp khác trong công tác đào tạo: Tích cực tham gia công tác cố vấn học tập (liên tục là giáo viên cố vấn của 3 lớp đại học), tư vấn chọn ngành nghề cho sinh viên ngành CNTT, tham gia hiệu chỉnh ngân hàng câu hỏi các môn Toán rời rạc, Hệ điều hành và kiến trúc máy tính cho các lớp bậc đại học.

Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Năng lực nghiên cứu: Năng lực nghiên cứu khoa học tốt; hoàn thành vượt mức định mức khoa học hàng năm đối với giảng viên cơ hữu của học viện; có khả năng đề xuất và thực hiện tốt các đề tài khoa học công nghệ cấp nhà nước do bộ KH&CN chủ trì. Tôi nhiều lần được mời tham gia phản biện trên các tạp chí ISI uy tín như: IEEE Transaction of Communications, IEEE Transaction of Wireless Communications, IEEE Communications Letter, IEEE Transactions on Vehicular Technology.

- Kết quả công bố và xuất bản: Tôi là tác giả chính và đồng tác giả của 22 bài báo khoa học đăng trên các hội thảo quốc tế chuyên ngành, trong đó đã công bố 7 bài báo tạp chí quốc tế xếp hạng ISI hoặc Scopus (bao gồm 2 bài ISI-Q1 uy tín, 4 bài hạng ISI-Q1 và 1 bài hạng Scopus) và 1 bài báo trên Chuyên san các Công trình Khoa học bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tổ chức nghiên cứu: TS. Nguyễn Văn Thủy luôn duy trì một nhóm nghiên cứu mạnh về lĩnh vực lý thuyết mã và ứng dụng trong hệ thống thông tin, có hợp tác và là đồng tác giả với nhiều nhà khoa học ở nước ngoài như PGS. TS. Nguyễn Trung Hiếu, Đại học Đông Nam Na Uy (USN) Na Uy, PGS. TS. Nguyễn Ngọc Điệp, Đại học Công nghệ Sydney (UTS), Úc và TS. Dariush Divsalar, JPL Caltech, Hoà kỳ và GS. Aria Nosratinia, Đại học Texas at Dallas, Hoa kỳ. TS. Thủy đã chủ trì 1 đề tài khoa học cấp cơ sở, và đang chủ trì 1 đề tài Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) (đã công bố đủ sản phẩm bài báo ISI, Quỹ đang tổ chức nghiệm thu).

- Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học: Tham gia tiểu ban kỹ thuật, phản biện của nhiều hội nghị khoa học như ATC2019, NICS2019, ATC2020. Trực tiếp tham gia các hội đồng đánh giá luận án tiến sỹ và hội đồng đánh giá luận văn thạc sỹ ở nhiều cơ sở đào tạo.

Tôi tự nhận thấy bản thân luôn đáp ứng tốt tiêu chuẩn và luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của nhà giáo ở Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 10 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	

1	2007-2008				5	270		270/297/280
2	2015-2016					160		160/191/135
3	2016-2017				1	476		476/646/270
3 năm học cuối								
4	2017-2018			2	7	411		411/645/270
5	2018-2019			1	5	365		365/687/270
6	2019-2020			2	5	368		368/726/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Hoa Kỳ năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Toefl

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng	Trách nhiệm hướng dẫn	Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Đơn vị	Thời gian	Loại hình	Thời gian	Loại hình	Thời gian
1	Lê Thị Lệ Duyên		X	X		01/2017 đến 10/2017	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2017
2	Bùi Văn Minh		X	X		06/2017 đến 02/2018	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2017
3	Nguyễn Văn Quảng		X	X		11/2017 đến 08/2018	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2018
4	Phạm Chí Hùng		X	X		06/2018 đến 03/2020	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2020

5	Phan Hoàng Tiến		X	X		07/2019 đến 03/2020	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2020
---	-----------------------	--	---	---	--	------------------------	--	------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 0

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					

1	Nghiên cứu các giải pháp cho vấn đề truy cập phổ tần động cho mạng vô tuyến thông minh	CN	11-HV-2007-RD-VT, cấp Cơ sở	15/07/2007 đến 30/12/2007	15/01/2008 / Tốt
---	--	----	-----------------------------	---------------------------	------------------

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Multi-Dimensional Single Parity Check Product Codes in Ultra Wideband M-ary PPM Systems	3	Có	Proc. Int. Symp. Wireless Personal Multimedia Commun. (WPMC 2006), San Diego, California, USA			,	2006

2	The design of rate-compatible protograph LDPC codes	3	Có	2010 48th Annual Allerton Conference on Communication, Control, and Computing (Allerton), Monticello, Illinois, USA. ISBN: 978-1- 4244-8216-0		120	, 1-5	2010
3	Bilayer protograph codes for half-duplex relay channels	3	Có	IEEE International Symposium on Information Theory (ISIT 2010), Austin, Texas, USA. ISBN: 978-1- 4244-7890-3		16	, 948 - 952	2010
4	Threshold of Protograph-Based LDPC Coded BICM for Rayleigh Fading	3	Có	IEEE Global Telecommunications Conference - GLOBECOM 2011, Houston, Texas, USA. ISBN 978-1- 4244-9266-4		24	, 1 - 5	2011
5	Protograph-based LDPC codes for partial response channels	3	Có	IEEE International Conference on Communications (ICC 2012), Ottawa, Canada. ISBN 978-1-4577-2052-9		16	, 2166-2170	2012

6	The Design of Rate-Compatible Protograph LDPC Codes	3	Có	IEEE Transactions on communications / ISSN: 1558-0857	ISI uy tín (Q1) - ISI IF: 5.69	124	60 , 10, 2841 - 2850	2012
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
7	Rate-compatible short-length protograph LDPC codes	2	Có	IEEE communications letters / ISSN: 1089-7798	Tạp chí quốc tế ISI - Q1 - ISI IF: 3.457	47	17 , 5, 948- 951	2013
8	Bilayer protograph codes for half-duplex relay channels	3	Có	IEEE transactions on wireless communications / ISSN: 1536-1276	ISI uy tín (Q1) - ISI IF: 6.394	42	12 , 5, 1969 - 1977	2013
9	Rate-compatible protograph-based LDPC codes for inter-symbol interference channels	3	Có	IEEE communications letters / ISSN: 1089-7798	Tạp chí quốc tế uy tín ISI (Q1) - ISI IF: 3.457	12	17 , 8, 1632- 1635	2013
10	The design of optimized fast decoding protograph LDPC codes	2	Có	2016 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC), Hanoi, Vietnam. ISBN: 978-1-5090-3760-5		8	, 282- 286	2016

11	The Design of Low-Iteration Protograph Codes for Rayleigh Fading Channels with Spatial Diversity	2	Có	2018 IEEE Seventh International Conference on Communications and Electronics (ICCE), Hue, Vietnam. ISBN: 978-1-5386-3679-4			, 165-169	2018
12	Delay-limited Protograph Low Density Parity Codes for Space-Time Block Codes	3	Có	2018 IEEE 29th Annual International Symposium on Personal, Indoor and Mobile Radio Communications (PIMRC), Bologna, Italy. ISBN: 978-1-5386-6009-6		1	, 1-6	2018
13	Energy-Efficient and Low Complexity Channel Coding for Wireless Body Area Networks	2	Không	2018 5th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS). ISBN: 978-1-5386-7984-5			, 265-269	2018

14	Performance Analysis of Protograph LDPC Codes Over Large-Scale MIMO Channels With Low-Resolution ADCs	4	Có	IEEE Access / ISSN: 2169-3536	ISI (Q1) - ISI IF: 4.098	1	7 , 145145-145160	2019
15	Protograph LPDC Coded Large-Scale MIMO Communications with Low-Resolution ADCs	3	Không	2019 25th Asia-Pacific Conference on Communications (APCC), Ho Chi Minh, Vietnam. ISBN: 978-1-7281-3679-0			, 286-291	2019
16	Performance of Deep Learning LDPC Coded Communications in Large Scale MIMO Channels	4	Không	2019 6th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS), Ho Chi Minh, Vietnam. ISBN: 978-1-4503-6479-9			, 214-218	2019
17	Belief Propagation Detection For Large-Scale MIMO Systems With Low-Resolution ADCs	4	Không	2019 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC), Hanoi, Vietnam. ISBN: 978-1-7281-2392-9			, 68-73	2019

18	Delay-Limited Rate-Compatible Protograph LDPC Codes	3	Có	International Journal of Engineering Trends and Technology - IJETT / ISSN: 2231-5381	Có - Scopus IF: 2.88		67 , 7, 115-123	2019
19	Improve Uplink Achievable Rate for Massive MIMO Systems with Low-Resolution ADCs	3	Không	2020 IEEE Eighth International Conference on Communications and Electronics (ICCE), Phu Quoc, Vietnam			,	2020
20	Accuracy Improvement in Binary and Multi-Class Classification of Breast Histopathology Images	3	Không	2020 IEEE Eighth International Conference on Communications and Electronics (ICCE), Phu Quoc, Vietnam			,	2020
21	On Design of Protograph LDPC Codes for Large-Scale MIMO Systems	4	Không	IEEE Access / ISSN: 2169-3536	Có, ISI - Q1 IF: 4.098		8 , 46017-46029	2020

22	Phát hiện hoạt động bất thường của người bằng mạng học sâu nhân chấp kết hợp mạng bộ nhớ dài ngắn	3	Không	Chuyên san các Công trình Nghiên cứu Khoa học, Nghiên cứu Triển khai Công nghệ Thông tin và Truyền thông			,	2020
----	---	---	-------	--	--	--	---	------

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà U.V là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 5

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	The design of rate-compatible protograph LDPC codes	United States Patent	01/04/2014	Thuy V Nguyen	3
2	High order modulation protograph codes	United States Patent	09/09/2014	Thuy V Nguyen	3
3	Read retry operations with read reference voltages ranked for different page populations of a memory	United States Patent	17/02/2017	Thuy V Nguyen	5
4	Read retry operations where likelihood value assignments change sign at different read voltages for each read retry	United States Patent	25/04/2017	Thuy V Nguyen	5

5	Read retry operations with estimation of written data based on syndrome weights	United States Patent	30/04/2019	Thuy V Nguyen	5
---	---	----------------------	------------	---------------	---

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 1 2 3 4 5

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
1	Đề Cương Chương trình đào tạo CNTT, hệ Chất lượng cao	Tham gia	Học Viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội , ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)